TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ BẮC NINH** TỈNH BẮC NINH	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập . Tự do . Hạnh phúc**

Bản án số: 04/2021/DSST
Ngày 19/10/2021
V/v" Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BẮC NINH, TỈNH BẮC NINH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Tạ Hữu Hiển.

Các hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Liên, bà Hoàng Thảo Yến

Thư ký phiên toà: Bà Hạp Thị Thu Thủy - Thư ký Tòa án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bắc Ninh tham gia phiên toà: Bà Hồ Thị Lê - Kiểm sát viên.

Ngày 19/10/2021 tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 92/2021/TLST-DS, ngày 26 tháng 3 năm 2021 về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 68/2021/QĐXXST- DS ngày 20 tháng 9 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 115/2021/QĐST- HPT ngày 05/10/2021 giữa:

Nguyên đơn: Bà Lương Thị B, sinh năm 1963 và Ông Trần Văn T, sinh năm 1961; Địa chỉ: Số nhà 36, xóm 3, khu Đ, phường N, thành phố Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh. (Bà B có mặt)

Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Bà Hoàng Thị L, sinh năm 1965; Địa chỉ: Đường H, phường K, thành phố Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh. (Có mặt).

Bị đơn: Chị Nguyễn Thị L, sinh năm 1979. (Vắng mặt)

Trú tại: Số 706, CT2 chung cư C, phường V, thành phố Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày như sau: Do có quan hệ quen biết và là đồng nghiệp cùng trường với bà B, mối quan hệ rất thân thiết nên chị

Nguyễn Thị L, sinh năm 1979, Trú tại : Số 706, CT2 chung cư C, phường V, thành phố Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh nhận vợ chồng bà B là bố mẹ nuôi. Chị L có nói do chị L buôn bán cần vốn nên có vay của vợ chồng bà B một số tiền, vì là chỗ quen biết nhau nên bà B đồng ý cho chị L vay số tiền cụ thể như sau:

Ngày 15/3/2018 chị L vay số tiền của bà B là 200.000.000đ (Hai trăm triệu đồng). Thời hạn chị L nói chỉ vay nóng lấy hàng vài ngày sẽ trả ngay.

Ngày 03/4/2018 chị L lại nói cần tiền lấy hàng ngay nên vay tiếp số tiền 400.000.000đ. (bốn trăm triệu đồng) chị L nói khi nào bà B cần thì báo trước cho chị L một vài ngày chị L sẽ trả đầy đủ.

Ngày 19/4/2018 chị L cần tiền nên bảo tôi vay hộ, do tôi cũng không có tiền nên bà B đi vay hộ chị L số tiền là 200.000.000đ. (hai trăm triệu đồng). Thời hạn chị L nói chỉ vay nóng đến ngày 22/4/2018 sẽ trả ngay.

Ngày 17/6/2018 chị L cần tiền nên bảo bà B cho vay số tiền là 180.000.000đ. (một trăm tám mươi triệu đồng). Thời hạn chị L nói chỉ vay nóng sẽ trả ngay.

Ngày 28/12/2017 chị L vay của ông Tuyến số tiền 300.000.000đ. (Ba trăm triệu đồng). Thời hạn vay là 6 tháng lãi suất không ghi trong giấy vay nhưng chị L nói là trả theo lãi suất ngân hàng.

Ngày 27/5/ 2018 chị L lại nói cần tiền lấy một chuyến hàng nên lại vay tiếp của ông T số tiền 200.000.000đ. (hai trăm triệu đồng) chị L hẹn ngày 6.6.2018 chị L sẽ trả.

Tổng tất cả các lần chị L vay của vợ chồng bà B là 1.480.000.000đ (một tỷ bốn trăm tám mươi triệu đồng). Sau khi cho vay vợ chồng bà B cần đến tiền nên đòi chị L rất nhiều lần đến ngày 22/12/2018 chị Lan mới trả được 220.000.000đ và có hẹn trả tiếp. Nhưng sau đó, vợ chồng bà B đã đòi rất nhiều nhưng chị L cứ khất lần khất hết lần này tới lần khác chị vẫn không trả

Căn cứ để vợ chồng bà B khởi kiện là các ‘’giấy vay nợ’’ đề ngày 15/03/2018 vay 200 triệu đồng, ngày 19/04/2018 vay 200 triệu đồng, ngày 03/04/2018 có vay 400 triệu đồng, ngày 27/5/2018 có vay 200 triêu đồng, ngày 17/6/2018 có vay 180 triệu đồng, ngày 28/12/2017 có vay 300 triệu đồng.

Tổng các lần vay là 1.480.000.000đ (Một tỷ bốn trăm tám mươi triệu đồng) chị L đã ký nhận.

Bà B ông T còn cung cấp 1 giấy biên nhận và xin rút đơn tố cáo ngày 22/12/2018 do bà B viết và chị L ký tên ở bên dưới với số tiền đã trả và nhận nợ còn lại.

Vì vậy vợ chồng bà B làm đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc chị L phải thanh toán cho vợ chồng bà B tiền gốc là 1.260.000.000đ (Một tỷ hai trăm sáu mươi triệu đồng) và lãi suất theo qui định của pháp luật đối với số tiền vay 300 triệu đồng từ ngày 28/12/2017 với ông T.

Tại biên bản lấy lời khai và các lần làm việc tại Tòa án chị Nguyễn Thị L trình bày: Chị và bà B có quen biết và làm việc tại trường tiểu học N, phường N, thành phố Bắc Ninh với nhau, do có nhu cầu cần tiền để lấy vốn làm ăn nên đã vay tiền của vợ chồng bà B nhiều lần. Theo thỏa thuận mỗi khi cần tiền làm ăn, thì vợ chồng bà B cho chị vay và chị L phải trả đủ cả gốc và lãi. Lần vay cuối cùng vào khoảng cuối năm 2018 và chị cũng thừa nhận chữ ký trong "giấy vay tiền" là đúng chữ ký của chị nhưng do làm ăn thua lỗ chưa thanh toán được hết nợ gốc và lãi cho vợ chồng bà B, hiện tại chị không nhớ chính xác còn nợ vợ chồng bà B bao nhiêu tiền chỉ nhớ khoảng 980 triệu và hẹn sẽ cung cấp cho tòa chứng cứ về số tiền đã thanh toán nhưng tới khi xử chị vẫn không cung cấp được và xin xử vắng mặt. Nay vợ chồng bà B kiện số tiền trên chị xác nhận còn nợ vợ chồng bà B nhưng không có tài sản gì để trả được và xin nhận khoản nợ của vợ chồng bà B khi nào có tiền sẽ trả.

Tại phiên tòa, nguyên đơn và đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn rút một phần yêu cầu đối với số tiền lãi của số tiền nợ gốc là 1.260.000.000 đồng và chỉ yêu cầu chị L phải trả lãi suất của số tiền 300.000.000 đồng vay ngày 28/12/2017 theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa, bị đơn là chị Nguyễn Thị L đã được triệu tập nhưng vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bắc Ninh phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng và phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ án như sau:

Về tố tụng: Cả thẩm phán, HĐXX, nguyên đơn và người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn chấp hành đúng qui định của luật tố tụng dân sự; bị đơn là chị L chưa thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ của mình, vắng mặt tại phiên tòa.

Về nội dung: Căn cứ Điều 26, 35, 48, 235, 244, 266 BLTTDS;

Căn cứ Điều 463, 466, 468 BLDS;

Căn cứ Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP của Tòa án nhân dân tối cao áp dụng 1 số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất chậm thanh toán.

Xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu của Nguyên đơn. Buộc bị đơn phải trả nguyên đơn số tiền gốc 1.260.000.000 đồng và lãi suất 10% theo quy định của pháp luật đối với số 300.000.000 đồng kể từ ngày 28/12/2017 là 114.000.000 đồng.

Như vậy Buộc chị L phải trả cho ông T và bà B tổng số tiền gốc là 1.260.000.000 đồng và lãi 114.000.000 đồng= 1.374.000.000 đồng.

*Về án phí: Yêu cầu khởi kiện của ông T và bà B được chấp nhận nên chị Lan phải chịu án phí DSST.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa. Sau khi nghe ý kiến trình bày của các đương sự. Căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên toà ngày 19/10/2021. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

- Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Căn cứ vào đơn khởi kiện của nguyên đơn, lời khai của bị đơn đây là vụ án tranh chấp hợp đồng vay tài sản quy định tại Điều 463 Bộ luật dân sự.

- Về thẩm quyền: Căn cứ vào các tài liệu do nguyên đơn xuất trình, lời khai của các đương sự, xác định thời điểm Tòa án thụ lý vụ án, bị đơn là Chị Nguyễn Thị L, sinh năm 1979, trú tại : Số 706, CT2 chung cư C, phường V, thành phố Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh. Do vậy Tòa án nhân dân thành phố Bắc Ninh thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại điểm a, khoản 1 Điều 35 và điểm a, khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

- Về tư cách tham gia tố tụng: Bà Lương Thị B cho rằng chị Nguyễn Thị L đã xâm phạm đến quyền lợi của bà nên bà làm đơn khởi kiện đối với chị L. Như vậy vợ chồng bà B tham gia tố tụng trong vụ án này với tư cách là nguyên đơn. Chị L tham gia tố tụng trong vụ án với tư cách là bị đơn, bà B ông T ủy quyền cho bà L, bà L tham gia với tư cách là đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành hòa giải để các đương sự có cơ hội thỏa thuận giải quyết vụ án nhưng các bên không thống nhất được về số nợ gốc và lãi. Vì vậy, Tòa án phải tiến hành theo thủ tục chung và quyết định đưa vụ án ra xét xử. Tòa án đã triệu tập hợp lệ lần thứ nhất đối với bị đơn, tại phiên tòa ngày 05/10/2021chị Nguyễn Thị L đã vắng mặt. Hội đồng xét xử thảo luận và quyết định hoãn phiên tòa và Tòa án tiếp tục đưa vụ án ra xét xử vào ngày hôm nay 19/10/2021. Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 227; Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về nội dung: Giữa bà Lương Thị B, ông Trần Văn T và chị Nguyễn Thị L phát sinh hợp đồng vay tài sản với số tiền 1.480.000.000 đồng; trong đó người giao tiền là vợ chồng bà B, người nhận tiền là chị L; Theo giấy vay tiền các ngày cụ thể như sau: ngày 15/03/2018 vay 200 triệu đồng, ngày 19/04/2018 vay 200 triệu đồng, ngày 03/04/2018 có vay 400 triệu đồng, ngày 27/5/2018 có vay 200 triêu đồng, ngày 17/6/2018 có vay 180 triệu đồng, ngày 28/12/2017 có vay 300 triệu đồng.

Tổng các lần vay là 1.480.000.000đ (Một tỷ bốn trăm tám mươi triệu đồng) chị L đã ký nhận.

Qúa trình làm việc tại tòa chị L có đồng ý việc vợ chồng bà B nói chị đã trả được 220 triệu đồng tiền gốc. Đối với số nợ còn lại chị L xác nhận còn nợ, cụ thể chính xác bao nhiêu thì không rõ chỉ nhớ còn khoảng 980 triệu và chị L nói sẽ cung cấp cho tòa nhưng không cung cấp được.

Tại phiên tòa, nguyên đơn và đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn đề nghị chị L phải trả số nợ gốc là 1.260.000.000 đồng và lãi của số tiền 300.000.000 đồng vay từ ngày 28/12/2017 đến nay theo quy định của pháp luật. Cụ thể từ ngày 28/12/2017 đến ngày 19/10/2021 (là 3 năm 9 tháng 21 ngày) lãi suất 10%/năm theo quy định của pháp luật là 114.000.000 đồng.

Tổng cộng chị Nguyễn Thị L phải trả cho bà Lương Thị B và ông Trần Văn T là số tiền nợ gốc 1.260.000.000 đồng và lãi suất 114.000.000 đồng = 1.374.000.000 đồng. (một tỷ ba trăm bảy tư triệu đồng)

Xét quan hệ vay nợ giữa vợ chồng bà B và chị Nguyễn Thị L là giao dịch dân sự tự nguyện, các đương sự tham gia giao kết hợp đồng có đầy đủ năng lực hành vi dân sự và hoàn toàn tự nguyện, không trái với qui định của pháp luật.

Căn cứ Điều 463, Điều 466, 468 Bộ luật dân sự thì hợp đồng vay tài sản giữa vợ chồng bà B và Chị L được thể hiện dưới hình thức hợp đồng vay

tiền có thỏa thuận về lãi suất. Khi thực hiện hợp đồng vợ chồng bà B đã thực hiện nghĩa vụ của mình là giao đủ số tiền 1.480.000.000 đồng cho chị L. Đến thời hạn trả nợ, vợ chồng bà B đã đòi nhiều lần nhưng chị L không thực hiện nghĩa vụ trả nợ của mình đối với khoản nợ trên, chỉ trả được 220 triệu đồng. Mặc dù, trong hợp đồng các bên không ghi rõ lãi suất thỏa thuận nhưng đôi bên đều thừa nhận có thỏa thuận lãi suất. Nay nguyên đơn yêu cầu bị đơn thanh toán số nợ gốc 1.260.000.000 đồng và chỉ yêu cầu tính lãi của số tiền 300 triệu vay ngày 28/12/2017 đến nay theo quy định của pháp luật là có căn cứ và chấp nhận.

Phía bị đơn chị L thừa nhận có vay tiền vợ chồng bà B số tiền trên chữ ký trong giấy vay tiền là đúng chữ ký của chị và có trả một phần gốc và lãi, hiện chỉ còn nợ khoảng 980 triệu đồng và nói cung cấp cấp tài liệu chứng cứ cho tòa nhưng chị L không cung cấp được. Nay chị L nói do làm ăn thua lỗ không còn tài sản gì để trả và xin khất được trả dần.Vợ chồng bà B cho chị L vay tiền, chị L đã nhận số tiền vay 1.480.000.000 đồng, lãi suất theo thỏa thuận. Đến khi vợ chồng bà B đòi chị L không thanh toán được cho vợ chồng bà B số tiền nợ gốc còn lại là 1.260.000.000 đồng. Như vậy chị L đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán. Bà B yêu cầu Tòa án buộc chị L phải thanh toán gốc và lãi đối với số tiền 300 triệu đồng từ ngày 28/12/2017 từ khi vay đến khi xét xử là hoàn toàn có căn cứ, phù hợp pháp luật nên được chấp nhận. Chị L thừa nhận có vay và có nói do làm ăn thua lỗ hiện không có công ăn việc làm nên sẽ trả dần. Việc chị L nói sẽ cung cấp chứng cứ về số tiền đã trả cho vợ chồng bà B hiện chỉ còn nợ khoảng 980 triệu đông nhưng chị L không cung cấp được nên không được chấp nhận.

Vì vậy căn cứ theo Điều 466, 468 BLDS buộc chị L phải thanh toán cho vợ chồng bà B số tiền 1.260.000.000 đồng tiền gốc.

Về tiền lãi, nguyên đơn và đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện là phần lãi của số tiền 960.000.000 đồng và chỉ yêu cầu chị L phải trả lãi suất của số tiền 300.000.000 đồng kể từ ngày 28/12/2017 đến ngày 19/10/2021 (là 3 năm 9 tháng 21 ngày) với lãi suất 10%/năm.

Do vậy, yêu cầu của nguyên đơn về việc buộc bị đơn trả lãi suất 10%/năm theo quy định của pháp luật đối với số tiền 300.000.000 đồng kể từ ngày 28/12/2017 đến ngày 19/10/2021 (3 năm 9 tháng 21 ngày) là 114.000.000 đồng được chấp nhận toàn bộ.

Tổng cộng chị Nguyễn Thị L phải trả cho bà Lương Thị B và ông Trần Văn T là số tiền nợ gốc 1.260.000.000 đồng và lãi suất 114.000.000 đồng = 1.374.000.000 đồng.

[3] Về án phí: Yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ các Điều 26, 35, 39, 48, 147, 227, 228, 235, 244, 264, 266, 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ các Điều 463, 466, 468, 469 Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 01/2019/NQ- HĐTP của Tòa án nhân dân tối cao áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm;

Căn cứ Nghị quyết số 326/NQ/QH ngày 30/12/2016 của Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Xử: Chấp nhận yêu cầu của Nguyên đơn buộc bị đơn là chị Nguyễn Thị L phải trả bà B ông T số tiền gốc 1.260.000.000 đồng (Một tỷ hai trăm sáu mươi triệu đồng) và lãi suất của số tiền vay 300.000.000 đồng kể từ ngày 28/12/2017 đến ngày 19/10/2021 là 114.000.000 đồng. Như vậy tổng số tiền chị L phải trả cả gốc và lãi cho ông T bà B là 1.374.000.000 đồng (Một tỷ ba trăm bảy tư triệu đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bên phải thi hành án không thi hành thì hàng tháng phải chịu một khoản lãi của số tiền chậm thi hành án theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự tương ứng với thời gian chậm thi hành án.

Về án phí dân sự: chị Nguyễn Thị L phải chịu 53.220.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Nguyên đơn là vợ chồng bà B không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Trả lại nguyên đơn số tiền tạm ứng án phí đã nộp 24.900.000 đồng (Hai mươi bốn triệu chín trăm ngàn đồng) theo biên lai thu số: AA/2019/0000929, ngày 26/3/2021 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Bắc Ninh.

Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được kết quả tống đạt bản án hoặc niêm yết hợp lệ.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7,9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bắc Ninh;
- VKSND thành phố Bắc Ninh;
- Chi cục THADS thành phố Bắc Ninh;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu HS, VP.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán-Chủ toạ phiên toà

Tạ Hữu Hiển